

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 07-6-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Quỳ

Bà Đặng Thị Đôi

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Bá V, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ hai, đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 15 tháng 4 năm 2022, bản tự khai ngày 20 tháng 4 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Bá V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị T do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 6 năm 2012. Sau khi kết hôn, anh chị về ở nhờ tại nhà của bố mẹ đẻ anh ở thôn K1,

xã T, huyện K đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn vào tháng 01 năm 2021. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Chị T tham gia đánh bạc qua mạng xã hội bị thua nên nợ nhiều tiền. Từ năm 2019 đến năm 2022 anh và gia đình hai bên nhiều lần phải trả nợ thay cho chị T. Anh từng khuyên bảo chị T không nên đánh bạc, dành thời gian chăm sóc các con nhưng chị T không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở 03 lần, lần cuối cùng vào tháng 3 năm 2022, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con gồm Đặng Sơn T1, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2013 và Đặng Bá Anh Q, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019, hiện đều do anh nuôi. Khi ly hôn, anh nhận trực tiếp nuôi 02 con đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh không yêu cầu chị T đóng góp với anh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Từ khi kết hôn đến nay, anh chị chưa có tài sản chung gì có giá trị lớn, vợ chồng không cho ai vay, không vay nợ ai nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị T không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, theo lời trình bày và yêu cầu của anh V; Tòa án tiến hành xác minh, tổng đạt hợp lệ các V bản tố tụng của Tòa án đối với chị T nhưng chị T không đến Tòa án để trình bày lời khai; không tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do. Sau đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Tứ mẹ đẻ chị T để giao lại cho chị T, chị T đều đã nhận đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng là không thực hiện quyền, không chấp hành nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Bá V, cho anh Đặng Bá V được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao cháu Đặng Sơn T1, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2013 và cháu Đặng Bá Anh Q, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh V không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *- Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị T có nơi cư trú tại thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T vắng mặt tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *- Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh V, chị T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng

6 năm 2012. Như vậy, hôn nhân giữa anh V, chị T là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 01 năm 2021, do bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống; chị T lười lao động, chơi đánh bạc qua mạng xã hội bị thua nợ tiền của nhiều người nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Từ tháng 3/2022 đến nay, anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Gia đình hai bên đã khuyên bảo để vợ chồng về sống đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh V có căn cứ, cần được chấp nhận, nên xử cho anh V được ly hôn chị T là phù hợp theo quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của anh V nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Sơn T1, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2013 và cháu Đặng Bá Anh Q, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 đến các cháu khi đủ 18 tuổi. Căn cứ vào thông tin do UBND xã T và đại diện hai bên gia đình cung cấp: Anh V có chỗ ở là nhà của cha mẹ đẻ, có việc làm ổn định, thu nhập bình Q mỗi tháng từ 15.000.000 đồng trở lên. Chị T hiện sống cùng nhà với cha mẹ đẻ nhưng chưa có công việc, chưa có thu nhập ổn định. Từ khi anh chị sống ly thân hai cháu T1, Q được anh V nuôi dưỡng đảm bảo về sức khỏe, tinh thần để học tập và các chi phí sinh hoạt thiết yếu khác. Bà Hoàng Thị Thảo mẹ đẻ anh V còn giúp đỡ anh trong việc trông nom, chăm sóc các cháu hàng ngày. Cháu T1 có nguyện vọng ở cùng với anh V khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cả 02 con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, vì anh V không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng cho con với anh, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Anh V đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Bá V được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Sơn T1, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2013 và cháu Đặng Bá Anh Q, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2019 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2021, số 0002002 ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh V đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup>, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án V.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**

